ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1433/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 26 tháng 5 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2008 nhằm thực hiện kiềm chế lạm phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2008; Quyết định số 3458/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 34/2008/TT-BTC ngày 23/4/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2008 nhằm kiềm chế lạm phát;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-BTC ngày 23/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2008;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2008 nhằm thực hiện kiềm chế lạm phát (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Chi thường xuyên ngân sách làm căn cứ xác định chỉ tiêu tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2008 đã được cấp có thẩm quyền giao đầu năm, loại trừ: Dự toán kinh phí sự nghiệp của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 và chi nhiệm vụ trợ giá, trợ cước; các khoản lương, phụ cấp có tính chất lương, chi khác cho con người theo chế độ; các khoản chi thường xuyên đã thực hiện trong 4 tháng đầu năm; khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo kế hoạch đầu năm và các khoản chi đặc thù khác không thể tiết kiệm được (nếu có).

Điều 3. Căn cứ chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2008 được giao tại Quyết định này:

- Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách chi tiết theo từng lĩnh vực chi cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách chi tiết theo từng lĩnh vực chi cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã; đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã giao chỉ tiêu tiết kiệm chi tiết theo từng lĩnh vực chi cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị thực hiện tiết kiệm theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh

CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCHCỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ NĂM 2008 NHẰM THỰC HIỆN KIỀM CHẾ LẠM PHÁT

Kèm theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2008
1	Việt Trì	1.975
2	Phú Thọ	774
3	Phù Ninh	738
4	Lâm Thao	870
5	Tam Nông	767
6	Thanh Thủy	758
7	Thanh Ba	9.65
8	Hạ Hòa	1.059
9	Đoan Hùng	724
10	Cẩm Khê	1.131
11	Yên Lập	781
12	Thanh Sơn	720
13	Tân Sơn	774
Tổng cộng		**12.036**

CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP I VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NHẰM THỰC HIỆN KIỀM CHẾ LẠM PHÁT

Kèm theo Quyết định số: 1433/QĐ-UBND ngày 26/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2008
	TỔNG CỘNG	**13.874**
I	**CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH**	**10.238**
1	**Văn phòng UBND tỉnh**	**272**
+	Chi định mức (Có TTLTTT và TTTH)	43
+	Chi nghiệp vụ	229
-	*Chi đảm bảo hoạt động của Thường trực UBND tỉnh,*	90
-	*Hoạt động TTLT + TT tin học (VPUB) và khác*	42
-	*Chi nghiệp vụ VPUBND*	21
-	*Hoạt động công báo*	34
-	*Chi cảnh quan môi trường và phục vụ chung khu vực Ủy ban*	42
2	**Văn phòng HĐND tỉnh**	**102**
+	Chi định mức	23
-	*Chi nghiệp vụ HĐND*	12
-	*Chi hoạt động giám sát*	20
-	*Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh*	48
3	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**66**
+	Chi định mức biên chế	36
+	Chi nghiệp vụ (Thu hồi tạm ứng các năm trước 350 triệu)	30
4	**TT tư vấn và xúc tiến đầu tư**	**2**
+	Chi định mức biên chế	2
5	**Sở KHCN**	**715**
+	Chi định mức biên chế	12
+	Chi nghiệp vụ	703
1	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	460
2	Chi các hoạt động sự nghiệp KHCN	244
-	*Quản lý khoa học và và thông kê khoa học công nghệ*	7
-	*Quản lý CN, sở hữu trí tuệ, an toàn và bức xạ hạt nhân*	7
-	*Hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ (ngành, huyện)*	42
-	*Thanh tra khoa học và công nghệ*	6
-	*Bổ sung thiết bị KHCN + Đào tạo HTQT về KHCN*	24
-	*Hoạt động tin học và thông tin KHCN*	19
-	*Ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN*	8
	Đào tạo hợp tác quốc tế về KHCN	18
	Thực hiện kế hoạch áp dụng hệ thống QLCL theo TCNV ISO 9001:2000	94
-	*Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng*	18

6	**Chi cục đo lường**	**13**
+	Chi định mức biên chế	13
7	**Chi cục Thú y**	**90**
+	Chi định mức biên chế	7
+	Trạm thú y các huyện	83
	Chi định mức + Phụ cấp ưu đãi ngành	16
	Phòng chống dịch diện rộng	60
	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền	7
8	**Chi cục Bảo vệ thực vật**	**36**
+	Chi định mức biên chế	9
+	Trạm bảo vệ thực vật các huyện	26
	Chi định mức + ưu đãi ngành	20
	Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh +	6
9	**Sở Nông nghiệp PTNT**	**47**
+	Chi định mức biên chế	26
+	Hỗ trợ báo cáo tiến độ SX NN	21
10	**Chi cục PCLB và QL đê**	**196**
+	Chi định mức biên chế	7
+	Chi nghiệp vụ	171
-	*Đội quản lý đê + Hạt QL đê Tam Thanh*	13
-	*Tu bổ đê, kè cống và chống hạn*	157
+	Phòng chống lụt bão (T đó chi cho Ban CĐ Phòng chống LB)	18
11	**Sở Nội vụ**	**45**
+	Chi định mức biên chế	27
+	Chi nghiệp vụ	18
12	**Thanh tra tỉnh**	**16**
	Chi định mức biên chế (Có ưu đãi 144 triệu)	16
13	**Ủy ban BV và CSTE**	**50**
-	*Chi theo định mức biên chế:*	20
-	*Chi nghiệp vụ: Theo Nghị quyết số 77 HĐND tỉnh ngày 31/7/2006 về kế hoạch thực hiện Chiến lược XDGD giai đoạn 2006 - 2010 và NQ số 18 của HĐND tỉnh ngày 17/1/2001 về chương trình hành động vì trẻ*	30
14	**Sở Tài chính**	**66**
	Chi định mức biên chế	24
+	Xây dựng giá đất 2009	12
+	Chi nghiệp vụ	30
15	**TT thông tin TV TS và DV Tài chính**	**2**
+	Định mức theo biên chế	2
16	**Sở Công nghiệp**	**23**
+	Chi định mức biên chế	11
+	Chi nghiệp vụ	12
17	**Trung tâm Khuyến công**	**13**
+	Chi định mức biên chế sự nghiệp	3
+	Kinh phí đào tạo	10
18	**Sở Xây dựng**	**33**
+	Chi định mức biên chế	27

+	Chi nghiệp vụ	6
19	**TT quy hoạch và kiểm định CLXD**	**1,1**
	Chi định mức	1
20	**Sở Giao thông vận tải**	**450**
+	Chi định mức biên chế	31
+	Duy tu sửa chữa TX đường tỉnh 724km x 20	419
21	**Sở Thương mại du lịch**	**21**
+	Chi định mức theo biên chế	21
22	**Sở Tư Pháp**	**34**
	Chi định mức theo biên chế	28
+	Hỗ trợ KP hoạt động	6
23	**Sở Y tế**	**863**
+	*Chi định mức theo biên chế*	23
+	Đào tạo bác sỹ xã và sau ĐH:	60
+	Nghiệp vụ ngành + Các đơn vị tỉnh	240
+	Dự kiến tăng BC + Phòng chống dịch….	240
+	Dự kiến tăng mức chi và đối tượng BHYT	300
24	**Sở Giáo dục**	**627**
+	*Chỉ định mức theo biên chế*	27
+	Chi nghiệp vụ ngành (Thi TN, Thi HSG, hội khỏe cấp tỉnh và thi đấu khu vực…)	180
+	Bổ sung thiết bị trường học theo TT 30	120
+	Kinh phí khen thưởng thi đua (cả tỉnh + huyện)	120
+	Chi khác giáo dục	60
+	Chi thực hiện các đề án giai đoạn 2006 - 2010	120
25	**Sở Tài nguyên môi trường**	**625**
+	Chi định mức theo biên chế	37
+	Chi định mức theo biên chế Chi định mức theo biên chế sự nghiệp	2
+	*Trung tâm lưu trữ thông tin*	2
-	Chi nghiệp vụ	586
+	*Trang thông tin*	9
-	*Đăng ký thống kê, lập HSĐC - Cấp GCNQSDĐ (Cả khối cơ quan)*	60
-	*Chỉnh lý biến động đất đai*	9
-	*Đánh giá phân hạng đất*	60
-	*Quy hoạch sử dụng VT, TXPT*	24
-	*Dồn đổi ruộng đất*	60
-	*Các hoạt động quản lý khoáng sản*	2
-	*Khảo sát, đánh giá hiện trạng - đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ TN nước trên địa bàn tỉnh*	24
-	*Xây dựng CSDL khí tượng thủy văn*	19
-	Các hoạt động quản lý TN nước - KTTV	2
-	*Đo đạc địa chính*	150
-	*Thành lập bản đồ hành chính huyện, tỉnh*	14
-	*Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường*	12

-	*Chi các hoạt động thanh tra + tập huấn MT*	12
-	*XD chiến lược bảo vệ môi trường*	17
-	*Điều tra đánh giá… Đầm Ao Châu*	22
-	*Điều tra đánh giá MT các vùng nhạy cảm*	18
-	*Xác định mạng lưới điểm quan trắc, thực hiện phân tích cảnh báo*	60
-	*Kiểm soát ô nhjễm môi trường*	6
-	*Tổ chức các hoạt động về môi trường*	6
-	*Thành lập bản đồ hành chính huyện, tỉnh*	14
-	*Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường*	12
-	*Chi các hoạt động thanh tra + tập huấn MT*	12
-	*XD chiến lược bảo vệ môi trường*	17
-	*Điều tra đánh giá… Đầm Ao Châu*	22
-	*Điều tra đánh giá MT các vùng nhạy cảm*	18
-	*Xác định mạng lưới điểm quan trắc, thực hiện phân tích cảnh báo*	60
-	*Kiểm soát ô nhjễm môi trường*	6
-	*Tổ chức các hoạt động về môi trường*	6
26	**Trạm quan trắc môi trường**	**11**
27	**Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên**	**5**
28	**Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất**	**5**
29	**Trung tâm phát triển quỹ đất**	**5**
30	**Sở Văn hóa Thông tin**	**422**
+	Chi định mức biên chế	21
+	Định mức biên chế văn hóa thông tin	14
+	*Nghiệp vụ VHTT*	240
+	*Mua sắm thiết bị cho hai đoàn nghệ thuật.*	18
+	**Hoạt động các đoàn nghệ thuật**	130
-	Chi định mức hai đoàn nghệ thuật	35
-	*Biểu diễn miền núi*	18
-	*Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp*	7
-	*Hỗ trợ đoàn nghệ thuật truyền thống (Xây dựng vở mới)*	30
-	*Chi sửa chữa nhà Đoàn chèo*	30
-	*Chi bồi dưỡng luyện tập*	6
-	*Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật*	3
31	**Sở Thể dục - Thể thao**	**156**
+	Chi định mức theo biên chế	24
+	Chi phong trào thể thao quần chúng	132
32	**TT huấn luyện thể dục thể thao**	**88**
+	Định mức chi theo biên chế	10
+	Chi thể thao thành tích cao	78
33	**Sở LĐ Thương binh xã hội**	**214**
+	Chi theo định mức biên chế	23
+	Trung tâm bảo trợ xã hội	7
-	*Chi định mức*	7

+	Trung tâm giáo dục LĐXH	10
-	*Chi định mức*	10
-	TT điều dưỡng người có công	24
+	*Chi định mức*	8
+	*Nghiệp vụ + mua sắm*	16
+	Nghiệp vụ Sở LĐ	30
+	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động	66
+	Ban chỉ đạo xuất khẩu lao động và giải quyết việc làm	18
		0
+	Điều tra lao động việc làm	12
+	Điều tra hộ nghèo	6
+	Các nhiệm vụ khác	18
34	**Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội**	**16**
35	**Chi cục phát triển lâm nghiệp**	**14**
	Chi định mức biên chế	11
	Chi nghiệp vụ	3
36	**Phòng công chứng số 1**	**2**
37	**Phòng công chứng số 2**	**1,0**
38	**Trung tâm trợ giúp pháp lý:**	**7**
-	*Chi định mức biên chế*	2
-	*Trợ giúp pháp lý người nghèo*	5
39	**Trung tâm bán đấu giá tài sản:**	**0,7**
40	**Ban QL các khu công nghiệp**	**35**
+	*Chi định mức biên chế*	23
+	*Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư*	12
41	**Chi cục HTX và phát triển nông thôn**	**10**
42	**Ban dân tộc và tôn giáo**	**18**
+	*Chi định mức biên chế*	9
+	*Chi nghiệp vụ (Trong đó có tặng quà các chức sắc tôn giáo)*	9
43	**Sở Bưu chính viễn thông**	**73**
+	Chi định mức biên chế	23
+	Chi định mức sự nghiệp (TT thông tin KHCN)	8
+	Chi công giao tiếp điện tử + Nghiệp vụ phục vụ ngành	42
+	Thuê trụ sở làm việc	0
44	**Ban thi đua khen thưởng**	**37**
-	*Chi định mức*	19
-	*Các nhiệm vụ phục vụ thi đua KT*	18
45	**Chi cục quản lý thị trường**	**68**
46	**Chi cục Kiểm lâm**	**151**
+	Chi định mức	941
+	*Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR*	15
+	*Chi nghiệp vụ PCCC + mua thiết bị PCCC*	42
47	**Vườn quốc gia Xuân Sơn**	**3**
	Chi định mức	3
48	**Văn phòng Tỉnh ủy**	**78**
+	Chi theo định mức biên chế:	37
+	Chi nghiệp vụ	41

	Nghiệp vụ VP cấp ủy XD đề án của Tỉnh ủy	2
-	Hỗ trợ chi các hoạt động nghiệp vụ	29
49	**Ban Tổ chức**	**139**
+	Chi theo định mức biên chế:	29
+	Chi nghiệp vụ	110
-	*Chi dưỡng sức thăm hỏi*	90
-	*Hỗ trợ chi các hoạt động nghiệp vụ*	20
50	**Ban Tuyên giáo**	**43**
+	Chi theo định mức biên chế:	21
+	Chi nghiệp vụ	22
	Thi kể chuyện về Bác Hồ theo hướng dẫn của Trung ương	6
-	*Hỗ trợ chi các hoạt động nghiệp vụ*	16
51	**Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy**	**25**
+	Chi theo định mức biên chế:	10
+	Chi nghiệp vụ	15
-	*Hỗ trợ các hoạt động nghiệp vụ*	15
52	**Ban Dân vận**	**20**
+	Chi theo định mức biên chế:	11
+	Chi nghiệp vụ	9
-	*Hỗ trợ chi các hoạt động nghiệp vụ*	9
53	**Báo Phú Thọ**	**117**
+	Chi theo định mức biên chế:	41
+	Chi nghiệp vụ	76
-	*Chi nhuận bút Báo Phú Thọ + Báo điện tử + báo biểu*	76
54	**Đảng ủy cơ quan DC Đảng tỉnh**	**29**
+	Chi theo định mức biên chế:	17
+	Chi nghiệp vụ	11
-	*Hỗ trợ chi các hoạt động nghiệp vụ*	10
-	*Hỗ trợ các nghiệp vụ CCB*	1
	Hỗ trợ các nghiệp vụ Đoàn Thanh niên	1
55	**Đảng bộ khối các doanh nghiệp**	**34**
	Chi theo định mức	9
	Chi hỗ trợ nghiệp vụ	10
	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác	15
56	**Ban bảo vệ sức khỏe**	**121**
+	Chi định mức theo biên chế	31
+	*Chi khám sức khỏe định kỳ + mua bổ sung thiết bị KB*	18
+	*Hỗ trợ tiền thuốc + Mời giáo sư hội chuẩn*	30
+	*Chi nghiệp vụ*	42
57	**Tỉnh đoàn thanh niên**	**53**
+	Chi định mức	41
+	*Chi nghiệp vụ + thuê trụ sở + hoạt động tháng thanh niên và biên soạn lịch sử Đoàn*	12
58	**Hội Liên hiệp Thanh niên**	**7**
59	**Nhà thiếu nhi**	**10**
60	**Tỉnh hội phụ nữ**	**49**

-	Chi định mức	20
	Hoạt động Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	10
	Khảo sát XD đề án "Tín dụng vi mô" + Nhân rộng mô hình phòng chống bạo lực gia đình	7
-	Chi nghiệp vụ	12
61	**Mặt trận Tổ quốc**	**34**
-	Chi định mức	19
	Tổ chức, triển khai quy chế MTTQ tham gia giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở khu dân cư	4
-	Chi nghiệp vụ	12
62	**Hội nông dân**	**38**
-	Chi định mức	20
-	Chi nghiệp vụ	18
63	**Hội Cựu chiến binh**	**15**
-	Chi định mức	7
	Chi nghiệp vụ (Có tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Hội CCB)	8
64	**Liên minh HTX + TT tư vấn và HTKTTT**	**32**
-	Chi định mức	5
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	9
-	Kinh phí đào tạo các lớp	18
65	**Hội làm vườn**	**1**
66	**Hội chữ thập đỏ**	**7**
-	Chi định mức	4
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	3
66	**Hội người cao tuổi**	**2**
67	**Trung tâm hội nghị tỉnh**	**1**
68	**Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh**	**2**
69	**THPT Thanh Sơn**	**29**
70	**THPT Minh Đài**	**26**
71	**THPT Văn Miếu**	**19**
72	**THPT Hương Cần**	**26**
73	**THPT Thạch Kiệt**	**22**
74	**THPT Yên Lập**	**39**
75	**THPT Lương Sơn**	**21**
76	**THPT Cẩm Khê**	**24**
77	**THPT Hiền Đa**	**21**
78	**THPT Phương Xá**	**22**
79	**THPT Hạ Hòa**	**27**
80	**THPT Xuân Ảng**	**19**
81	**THPT Vĩnh Chân**	**18**
82	**THPT Thanh Ba**	**24**
83	**THPT Yền Khê**	**17**
84	**THPT Đoan Hùng**	**25**
85	**THPT Chân Mộng**	**17**
86	**THPT Quế Lâm**	**20**
87	**THPT Thanh Thủy**	**26**

88	THPT Trung Nghĩa	24
89	THPT Phù Ninh	33
90	THPT Tử Đà	20
91	THPT Trung Giáp	17
92	THPT Long Châu Sa	31
93	THPT Phong Châu	28
94	THPT Mỹ Văn	26
95	THPT Tam Nông	29
96	THPT Hùng Vương	34
97	THPT Việt Trì	43
98	THPT CN Việt Trì	25
99	THPT KT Việt Trì	17
100	Chuyên Hùng Vương	56
101	BC Thanh Sơn	1
102	BC Hùng Vương	1
103	BC Đoan Hùng	1
104	BC Thanh Ba	1
105	BC Long Châu Sa	1
106	BC Phong Châu	1
107	BC Phù Ninh	1
108	BC Tam Nông	1
109	BC CN Việt Trì	1
110	BC Việt Trì	1
111	BC Cẩm Khê	1
112	Dân tộc Nội trú Tỉnh	44
113	Dân tộc Nội trú Thanh Sơn	36
114	Dân tộc Nội trú Yên Lập	26
115	Dân tộc Nội trú Đoan Hùng	14
116	GDTX Lâm Thao	5
117	GDTX Tam Nông	6
118	GDTX Cẩm Khê	6
119	GDTX Thanh Ba	6
120	GDTX Hạ Hòa	5
121	GDTX Đoan Hùng	9
122	GDTX Yên Lập	7
123	GDTX Thanh Sơn	11
124	GDTX Thanh Thủy	8
125	GDTX Việt Trì	7
126	GDTX thị xã Phú Thọ	6
127	GDTX Phù Ninh	6
128	KT-TH-HN tỉnh	15
129	KT-TH-HN Lâm Thao	3
130	KT-TH-HN Phù Ninh	3
131	KT-TH-HN Cẩm Khê	6
132	KT-TH-HN Đ. Hùng	3
133	KT-TH-HN Phú Thọ	2
134	Trường MN Hòa Phong	19
135	Trường CBQLGD	86
136	Trung tâm NN - TH	62

137	**Trường trung học nông lâm nghiệp**	**59**
138	**Trường cao đẳng kinh tế kỹ thuật**	**68**
139	**Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh**	**113**
140	**Trường chính trị tỉnh**	**81**
141	**Đại học Hùng Vương**	**495**
+	Chi theo định mức	344
+	Phân bổ thêm ĐH khu vực	151
142	**Trường Cao đẳng Y tế**	**72**
143	**Trường Văn hóa Nghệ thuật**	**42**
144	**Trường Trung cấp nghề**	**184**
145	**Trung tâm dạy nghề**	**19**
146	**Trung tâm dịch vụ việc làm**	**28**
147	**TT thanh thiếu niên Hùng Vương**	**14**
148	**Trung tâm dạy nghề Thanh Sơn**	**10**
149	**Trường năng khiếu TDTT**	**15**
150	**TT đào tạo và giới thiệu Công đoàn**	**15**
151	**TT giới thiệu việc làm nông dân**	**18**
152	**TTGT việc làm Phụ nữ**	**14**
153	**Hội khuyến học**	
154	**Bệnh viện tỉnh:**	**130**
+	Chi theo định mức	72
+	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực	58
155	**Bệnh viện đa khoa Phú Thọ**	**67**
156	**Bệnh viện Lao:**	**38**
+	*Chi định mức*	38
157	**Bệnh viện Tâm thần:**	**26**
+	*Chi định mức*	26
158	**Bệnh viện Y học cổ truyền dân tộc:**	**32**
	Chi định mức	32
159	**Bệnh viện điều dưỡng và PHCN**	**51**
	Chi định mức	51
160	**Trung tâm y tế dự phòng**	**12**
161	**Trung tâm phòng chống bệnh xã hội**	**12**
162	**Trung tâm chăm sóc SKSS**	**12**
163	**Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm**	**12**
	Chi định mức	12
164	**Trung tâm Giám định y khoa**	**4**
165	**Hội đông y**	
166	**Trung tâm truyền thông**	**3**
167	**Trung tâm phòng chống HIV/AIDS**	**4**
168	**Trung tâm giám định pháp y**	**4**
169	**Bệnh viện đa khoa Thanh Ba**	**8**
170	**Bệnh viện đa khoa Hạ Hòa**	**14**
171	**Bệnh viện đa khoa Đoan Hùng**	**6**
172	**Bệnh viện đa khoa Tam Nông**	**13**
173	**Bệnh viện đa khoa Lâm Thao**	**14**
174	**Bệnh viện Phụ sản (Có BV Phù Ninh)**	**21**
	Chi định mức	21

175	**Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê**	**18**
176	**Bệnh viện đa khoa Thanh Thủy**	**26**
177	**Bệnh viện đa khoa Yên Lập**	**16**
178	**Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn**	**9**
179	**Bệnh viện đa khoa Tân Sơn**	**9**
180	**TTYT Dự phòng Việt Trì**	**7**
181	**TTYT Dự phòng Phú Thọ**	**9**
182	**TTYT Dự phòng Thanh Ba**	**10**
183	**TTYT Dự phòng Hạ Hòa**	**7**
184	**TTYT Dự phòng Đoan Hùng**	**11**
185	**TTYT Dự phòng Tam Nông**	**7**
186	**TTYT Dự phòng Lâm Thao**	**8**
187	**TTYT Dự phòng Phù Ninh**	**7**
188	**TTYT Dự phòng Cẩm Khê**	**13**
189	**TTYT Dự phòng Thanh Thủy**	**12**
190	**TTYT Dự phòng Yên Lập**	**7**
191	**TTYT Dự phòng Thanh Sơn**	**8**
192	**TTYT Dự phòng Tân Sơn**	**7**
193	**Thư viện khoa học tổng hợp**	**45**
+	*Chi định mức*	21
+	*Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh*	24
194	**Khu di tích lịch sử Đền Hùng**	**29**
	Chi định mức	29
195	**Hội văn học nghệ thuật**	**4**
+	*Chi định mức*	4
196	**Tạp chí văn nghệ Đất Tổ**	**1**
+	*Chi định mức*	1
196	**Đài Phát thanh truyền hình**	**250**
+	Chi định mức	32
+	Chi nghiệp vụ	218
197	**Hội Nhà báo**	**9**
	Chi định mức	3
	Chi nghiệp vụ	6
198	**TT phát hành phim và chiếu bóng**	**1**
	Chi định mức	1
199	**Trung tâm khuyến nông**	**66**
+	Chi định mức	9
+	Chi nghiệp vụ	57
-	*Thông tin tuyên truyền*	9
-	*Tham quan học tập*	3
-	*Tập huấn, huấn luyện*	9
-	*XD mô hình trình diễn*	18
-	*Chương trình KN trọng điểm*	18
199	**Trung tâm giống gia súc**	**26**
+	*Chi định mức biên chế*	8
+	*Trợ giá tinh lợn đực giống*	12
+	*Hỗ trợ tinh bò và Ni tơ (Nuôi bò thịt)*	6

200	**Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường**	**6**
201	**Trung tâm giống cây trồng**	**17**
+	*Chi định mức biên chế*	17
202	**Trung tâm thủy sản**	**13**
+	*Chi định mức biên chế*	4
+	*Chi nghiệp vụ khuyến ngư*	9
203	**Công ty phát triển hạ tầng KCN**	**1**
204	**TT tư vấn đầu tư và dịch vụ KCN**	**2**
205	**TT tư vấn DSGĐ và trẻ em**	**7**
206	**Ban quản lý các dự án XD (Khối VHXH)**	**0**
207	**TT Thông tin KH và CN (Sở KHCN)**	**1**
208	**Trung tâm ứng dụng KH và CN (Sở KHCN)**	**1**
209	**Ban quản lý các dự án PT HT DLTM**	**2**
210	**Ban quản lý Khu liên hiệp TDTT tỉnh**	
221	**Trung tâm xúc tiến thương mại**	**2**
II	**CHI HỖ TRỢ CÁC TCCT, TCCT - XHNN**	
1	Đoàn luật sư	
2	Hội luật gia	
3	Hội cứu trợ trẻ em tàn tật	
4	Hội người mù	
5	Hội nạn nhân chất độc da cam	
6	Hội doanh nghiệp vừa và nhỏ	
7	Hội cựu thanh niên xung phong	
III	**MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO CHẾ ĐỘ**	**3.636**
1	Kinh phí thực hiện 6 chương trình trọng điểm của tỉnh	420
2	Kinh phí thi đua khen thưởng	120
3	Chi cải cách hành chính	30
4	Sửa chữa thường xuyên năm 2008	300
5	Chi SC nhà cửa và trang thiết bị UBND Tỉnh	60
6	Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư	120
7	Chi nghiệp vụ khuyến công	60
8	Chi nghiệp vụ khối Đảng	216
-	*Chi học tập Nghị quyết TW và tỉnh*	36
-	*Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh ủy*	18
-	*Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát*	30
-	*Chi hoạt động Thường trực Tỉnh ủy*	66
	Chi hỗ trợ theo QĐ số 235 của Tỉnh ủy	18
-	*Chi khác*	48
9	Chi sửa chữa mua sắm trang thiết bị của Tỉnh ủy, chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của Tỉnh ủy	72

10	Chi sửa chữa lớn trụ sở Tỉnh ủy	420
11	Hỗ trợ xây dựng các trạm bảo vệ thực vật và thú y các huyện	60
12	Hỗ trợ các ngành đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa	12
13	Hỗ trợ TDTT các ngành đoàn thể	12
14	Kinh phí thực hiện công nghệ thông tin	36
15	Kinh phí triển khai thực hiện dự án tin học ngành tài chính và các nhiệm vụ khác	60
16	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể	30
17	Kinh phí đền bù GPMB TT dạy nghề và giải quyết việc làm	30
18	Đào tạo các lớp năng khiếu và thi đấu thành tích cao chuẩn bị HKPĐ 2008	180
19	Kinh phí giáo dục pháp luật	18
20	Đào tạo vận động viên Hội khỏe Phù Đổng	300
21	Chi đào tạo cập nhật, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ công chức	120
22	Chi đào tạo an ninh quốc phòng theo NĐ 116	180
23	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao …	120
24	Hội khỏe Phù Đổng, dự kiến các nhiệm vụ phát sinh do bổ sung chính sách SNGD…	480
25	Dự kiến các nhiệm vụ đào tạo khác	120
26	Tăng cường CSVC các trường chính trị và TTGDCĐ	120
27	Bù lỗ xử lý rác thải	120
28	Cải tạo cơ đê Tả Thao đoạn Minh Nông Cao Xá	240